

Bản án số: **372/2023/DS-ST**

Ngày: 29/12/2023

V/v tranh chấp dân sự “Đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Hoàn

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp dân sự đòi tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 546/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị A**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 05, khóm Vĩnh Chánh, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Văn S (Đòn)**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Phú Trung, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày: Bà A và ông S là chị em ruột, vào khoảng năm 2009, ông Lê Văn S (tên thường gọi là Đòn) có thỏa thuận với bà A về việc mua bán vật liệu xây dựng (các loại đá). Theo nội dung thỏa thuận, bà A sẽ tiến hành bán và vận chuyển đến công trình thi công lộ nông thôn, địa điểm xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, số lượng đã được vận chuyển theo yêu cầu của ông Lê Văn S. Với đơn giá là 450.000đồng/m³ (đã bA gồm chi phí vận chuyển). Khi bắt đầu thực hiện thỏa thuận, bà A đã cung cấp đầy

đủ các nguyên vật liệu theo yêu cầu của ông S và ông S cũng thanh toán tiền cho bà A nhưng thanh toán không đầy đủ. Đến ngày 17/6/2017, bà A và ông S đã kết sổ thì ông S còn nợ bà A số tiền 40.500.000 đồng. Khi đó, bà A có yêu cầu ông S thanh toán tiền nợ thì ông S yêu cầu bà A lấy tài sản trên chiếc ghe của ông S để khấu trừ nợ nhưng bà A không đồng ý. Việc mua bán giữa bà A và ông S không có lập hợp đồng nhưng ông S có ký nhận nợ với bà A. Đến nay, bà A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông S trả cho bà A số tiền còn nợ là 40.500.000 đồng nhưng ông S không đồng ý thực hiện. Vì vậy, bà A làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện An Phú để yêu cầu buộc ông Lê Văn S trả cho bà A số tiền 40.500.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn S dù tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình do đó xem như ông từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú: Vào năm 2014 ông S có thuê ghe của bà Lê Thị A, để vận chuyển đá giA cho công trình xây dựng, khi giA dịch thì hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập giấy tờ gì, phương thức giA dịch cụ thể là bà A giA đá tới công trình xây dựng thì phía công trình giA tiền cho bà A và có khi ông S trực tiếp giA tiền cho bà A. Đến đầu năm 2017 thì giữa ông S với bà A không còn giA dịch vận chuyển đá cho công trình và ông S đã thanh toán dứt điểm tiền thuê vận chuyển cho bà A, đến ngày 17/6/2017 thì giữa ông S với bà A có làm giấy nhận nợ với nội dung “ngày 17/6/2017 tổng cộng thiếu lại 40.500.000 đồng trừ tín tiền ngân hàng là trả”, ông S xác định số tiền 40.500.000 đồng trong giấy nợ ngày 17/6/2017 là tiền nợ làm ăn giữa ông S với bà A, chứ không phải là tiền nợ vận chuyển mà bà A trình bày.

Ông S cho rằng đã khấu trừ nợ nhưng không đưa ra được căn cứ phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ chứng minh việc đã khấu trừ. Tại phiên tòa nguyên đơn bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông S theo quy định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại Điều 21, Điều 97, Điều 98, Điều 100, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì thấy bị đơn ông S cho rằng đây không phải nợ tiền vận chuyển mà là nợ tiền vay và đã được khấu trừ và đưa ra những người chứng kiến nhưng đây là lời trình bày từ một phía ông S, ông cũng không đưa ra được căn

cứ chứng minh cho lời trình bày của mình do đó, có thể thấy việc ông S còn nợ bà A số tiền 40.500.000 đồng là thật, nguyên đơn kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của bị đơn chỉ buộc trả tiền vốn không tính lãi, bị đơn thừa nhận có nợ và cho rằng đã khấu trừ nhưng không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông S đã được triệu tập hợp lệ lần hai để xét xử nhưng ông S vắng mặt, theo quy định tại khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành niêm yết công khai theo quy định và tiến hành xét xử vắng mặt Ông S.

Theo Quyết định đình chỉ vụ án số 129/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú đình chỉ vụ án tranh chấp hợp đồng vận chuyển giữa bà Lê Thị A và ông Lê Văn S do nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Do bà Lê Thị A khởi kiện ông Lê Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “Đòi lại tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Trung, xã Phú Hội, huyện An Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu: Nguyên đơn kiện đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 155 Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu.

[4] Về tư cách đương sự: Trong vụ án này nguyên đơn là bà A, bị đơn là ông S.

[5] Nhận định về nội dung:

Ngày 17/8/2023 bà A khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn S với yêu cầu là đòi tài sản với số tiền 40.500.000 đồng kèm theo đơn khởi kiện bà A cung cấp 01 biên nhận có nội dung “*ngày 17/6/2017 tổng cộng thiếu lại 40.500.000 đồng trua tín tiền ngân hàng là trua trả ký tên Lê Văn Đòn*” theo bà A trình bày do S (hay còn gọi là Đòn) ký tên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai và hòa giải về việc vay và giA nhận số tiền vay là 40.500.000 đồng, nhưng bị đơn vắng mặt chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú thì ông S thừa nhận giấy nợ ngày 17/6/2023 là do ông Lê Văn Ngành viết và ông S ký tên, xác định số nợ còn thiếu là 40.500.000 đồng nhưng theo ông S đây là số nợ tiền vay chứ không phải tiền vận chuyển và số nợ này ông đã khấu trừ vào số nợ 63.000.000 đồng giữa bà A và cha ông

S là ông Vịnh và hiện bà A còn nợ lại ông 22.500.000 đồng và sự việc này có ông Lê Văn Ngành và ông Lê Văn Nghĩa chứng kiến.

[6] Tòa án ra Biên bản về việc yêu cầu giA nộp, bổ sung chứng cứ của Tòa án ngày 22/11/2023 yêu cầu bà Lê Thị A cung cấp chứng cứ chứng minh chữ viết và chữ ký trong Biên bản nhận nợ ngày 17/6/2023 là do ông S tự tay viết ra. Đến nay bà A chưa cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Theo lời trình bày của các bên thì tuy hợp đồng lập ngày 17/6/2017 giữa bà A và ông S lập thành văn bản được hai bên thừa nhận, ông S cũng thừa nhận nợ số tiền 40.500.000 đồng và chữ ký trong biên nhận là của ông S chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn có giA dịch dân sự vay mượn tiền là có thật đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo điều 92 BLTTDS 2015. Ông S cho rằng đây không phải nợ tiền vận chuyển mà là nợ tiền vay và đã được khấu trừ và đưa ra những người chứng kiến nhưng đây là lời trình bày từ một phía ông S, ông cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó, có thể thấy việc ông S còn nợ bà A số tiền 40.500.000 đồng là thật. Do ông S không thực hiện trả lại số tiền trên cho bà A gây thiệt hại cho bà A nên căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu phải trả lại tài sản đó vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà A được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 147, Điều 155; Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị A.

Buộc ông Lê Văn S (Đòn) trả cho bà Lê Thị A số tiền 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Ông Lê Văn S phải chịu 2.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Bà Lê Thị A được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.012.000 đồng, theo biên lai thu số 0008560 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú mà ông đã nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Văn S được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi